

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: “*Không công nhận là vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà Vi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Lê Thị Sáu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ka Hít - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L không tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “*Không công nhận là vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Bé Kim T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 2, thôn 12, xã Lộc Ng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

* Bị đơn: Bà **Bé Thị V**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 2, thôn 12, xã Lộc Ng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Bé Kim T và bà Bé Thị V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bé Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bé Thị V bắt đầu sống chung với nhau từ năm 1990, không có đăng kí kết hôn tại bất kì tại Ủy ban nhân dân xã nào. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Từ khi chung sống với nhau thì hai người sinh sống tại thôn 12, xã Lộc Ng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn do hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2009 cho đến nay, hai người không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy ông Bé Kim T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T và bà V không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình sống chung ông và bà V có 02 người con chung là Bé Kim T, sinh ngày 18/10/1991, Bé Thị Kim T, sinh ngày 11/11/1993. Hiện nay các con chung là đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung ông và bà V không có tài sản chung do vậy ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian sống chung ông và bà V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bé Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Bé Kim T chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn tại bất kỳ tại Ủy ban nhân dân xã nào. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Từ khi chung sống với nhau thì chúng tôi sinh sống tại thôn 12, xã Lộc Ng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên cãi vã và đánh đập bà V, không quan tâm chăm sóc gì đến vợ. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2009 cho đến nay, hai người không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy ông T yêu cầu không công nhận là vợ chồng, bà V đồng ý không công nhận là vợ chồng với ông T.

Về con chung: Quá trình sống chung bà và ông T có 02 người con chung là Bé Kim T, sinh ngày 18/10/1991, Bé Thị Kim T, sinh ngày 11/11/1993. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T có tạo lập được một số tài sản chung nhưng bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian sống chung ông và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa ông Bé Kim T và bà Bé Thị V nên xác định quan hệ tranh chấp “*Không công nhận là vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

II Nội dung vụ án:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Theo ông T và bà V trình bày thì ông bà chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn tại bất kỳ tại Ủy ban nhân dân xã nào. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Từ khi chung sống với nhau thì chúng tôi sinh sống tại thôn 12, xã Lộc Ng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn theo ông T hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm, còn bà V cho rằng nguyên nhân do ông T thường xuyên cãi vã và đánh đập bà V, không quan tâm chăm sóc gì đến vợ. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2009 cho đến nay, hai người không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Xét thấy, việc ông T và bà V sống chung như vợ chồng từ năm 1990 đến nay mặc dù có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, cần áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa ông Bé Kim T và bà Bé Thị V là đúng quy định của pháp luật.

{2} *Về con chung:* Xét lời khai của ông Bé Kim T và bà Bé Thị V, căn cứ vào giấy khai sinh ông Bé Kim T nộp cho Tòa án thì trong thời gian sống chung, ông Bé Kim T và bà Bé Thị V có 02 người con chung là Bé Kim T, sinh ngày 18/10/1991 và Bé Thị Kim T, sinh ngày 11/11/1993. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào bố mẹ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{3} *Về tài sản chung:* Ông Bé Kim T và bà Bé Thị V đều trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{4} *Về nợ chung:* Ông Bé Kim T và bà Bé Thị V đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{5} *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc ông Bé

Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” của ông Bé Kim T đối với bà Bé Thị V.

Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa ông Bé Kim T và bà Bé Thị V.

2. Về án phí: Buộc ông Bé Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Bé Kim T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004399 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Ng, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hà Vi

